

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2020

V/v Ly hôn giữa anh D và chị C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Vũ

2. Ông Nguyễn Hoàng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1977; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1978; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 1995, do quen biết, tìm hiểu, anh và chị Trần Thị Kim C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không quan tâm gì đến chồng dẫn đến nhiều lần cự cãi nhau và bỏ nhà đi vô cớ. Từ đó, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên anh D xin được ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1996

(trưởng thành) và cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 17/12/2003. Anh D yêu cầu được giành quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Trần Thị Kim C vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng:* Bị đơn chị Trần Thị Kim C vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của anh D và chị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh D và chị C là hợp pháp. Anh D xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến nhiều lần cự cãi nhau và sống ly thân. Khi sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh D nộp đơn khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị C vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, anh D cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị C, chị C tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 16/4/2020 xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cự cãi dẫn đến sống ly thân. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, anh D xin ly hôn với chị C là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1996 (trưởng thành) và cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 17/12/2003. Anh D yêu cầu được giành quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc sống ly thân, cháu N

đang sống ổn định bên anh D và đang học trường ở gần nhà. Hiện tại, anh D cũng có công việc, thu nhập ổn định và đã nuôi cháu N đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Mặc khác, cháu N có nguyện vọng được chung sống với anh D. Quá trình sống ly thân, chị C không quan tâm, chăm sóc, giáo dục con chung. Chính vì vậy, để ổn định sự phát triển bình thường về mặt tâm lý và thuận tiện trong việc chăm sóc nên cần thiết tiếp tục cho cháu N sống ổn định như ban đầu. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu N cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[2.3] *Về chia tài sản chung; Nghĩa vụ chung:*

Về tài sản chung: Anh D xác định vợ chồng có 01 căn nhà tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ chung: Anh D xác định không có nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị C đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của chị C về tài sản chung và nghĩa vụ chung. Do đó, cần tách tài sản chung và nghĩa vụ chung ra giải quyết thành một vụ kiện khác khi có tranh chấp.

[3] *Án phí:* Nguyên đơn anh D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị Kim C.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 17/12/2003 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị C, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom đối với chị C. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về chia tài sản chung; Nghĩa vụ chung:* Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 012981 ngày 14 tháng 02 năm 2020 thành tiền án phí. Công nhận anh D đã nộp xong.

5. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.*

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Hưng;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng